TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/10/2023
V/v "Ly hôn giữa chị C với anh L1"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Bùi Tuấn Khanh.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 266/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 143/2023/QĐST–HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Đặng Thị C**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 16/4/5, Đường Nguyễn Văn T, khu phố 6, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Long An.

Chị C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 21/8/2023.

* *Bị đơn:* **Trần Minh L1**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Long Nhơn, xã LH, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 23/6/2023, bản tự khai ngày 21/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đặng Thị C trình bày:

Chị Đặng Thị C với anh Trần Minh L1 tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau vào năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH vào năm 2022. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung có hạnh phúc nhưng đến

tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải nhau, anh L1 cờ bạc, vợ chồng đánh nhau và đã ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị C yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh L1.

Về nuôi con chung*:* Có 01 con chung tên là Trần Thanh S, sinh ngày 01/02/2022. Hiện nay, cháu S đang sống với chị C. Sau khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Trần Minh L1 trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh L1 đều vắng mặt không có lý do, mặc dù anh L1 vẫn còn đang sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chị Đặng Thị C thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Trần Minh L1 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị C đối với anh Trần Minh L1.

Về nuôi con chung: Chị Đặng Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thanh S, sinh ngày 01/02/2022.

Ghi nhận sự tự nguyên của chị C không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C khai không có, anh L1 cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đặng Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Trần Minh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị C và anh L1 cưới nhau vào năm 2022, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh L1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lời khai của chị C trong quá trình giải quyết vụ án xác định cuộc sống vợ, chồng giữa chị C và anh L1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải nhau, anh L1 có cờ bạc, chị C và anh L1 đánh nhau và đã ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Toà án đã triệu tập chị C và anh L1 để hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L1 vắng mặt không lý do, đồng thời chị C cũng có yêu cầu xét xử vắng mặt cho thấy hai bên đã không còn quan tâm và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Từ đó, đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị C với anh L1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Cháu Trần Thanh S, sinh ngày 01/02/2022 đã sống chung với chị C từ nhỏ, chị C chăm sóc cháu S phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Trần Thanh S để chị C trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C khai không có, anh L1 cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị C đối với anh Trần Minh L1.

Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị C với anh Trần Minh L1.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị C với anh Trần Minh L1 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Chị Đặng Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thanh S, sinh ngày 01/02/2022.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đặng Thị C không yêu cầu anh Trần Minh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Minh L1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Đặng Thị C trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Minh L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Đặng Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005013 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Như vậy,chị Đặng Thị C đã nộp đủ án phí.

Các đương sự chị Đặng Thị C, anh Trần Minh L1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã LH
(Số 01 ngày 06/01/2022);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi